

MÃ CHỨNG KHOÁN: TCR

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
TAICERA ENTERPRISE COMPANY**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2019**

**Năm 2019**

# **MỤC LỤC**

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC .....	12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	16
BÁO CÁO KIỂM TOÁN .....	43
THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	44
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT .....	46
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC .....	47
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG .....	48

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera là 01 (một) trong 06 (sáu) Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho chuyển đổi thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và sản phẩm sứ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
- Tên giao dịch đối ngoại: TAICERA ENTERPRISE COMPANY
- Tên viết tắt: TAICERA
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

▪Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

▪Điện thoại: (84.2513) 841 594 - 841 597 Fax: (84.2513) 841 598 - 841 592

▪Email:[tcr@hcm.vnn.vn](mailto:tcr@hcm.vnn.vn) Website:<http://www.taicera.com>

- Nhân hiệu thương mại:



- Vốn điều lệ:

▪Vốn điều lệ Công ty: 454.328.360.000 (Bốn trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

### 1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập năm 1994 do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là USD19,500,000, trong đó vốn pháp định là USD 8,500,000. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm. Chức năng hoạt động là sản xuất gạch thạch anh, gạch men và các sản phẩm sứ. Trụ sở nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Nhận thấy những thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh tại Việt nam, Công ty đã liên tục mở thêm chi nhánh ở các thành phố, địa bàn trọng điểm; tăng thời hạn hoạt động lên 50 năm và điều chỉnh tăng vốn đầu tư để mở rộng thêm dây chuyền sản xuất và bổ sung chức năng hoạt động. Đến nay, Taicera đã có 06 chi nhánh tại Tp HCM, Tp Hà Nội, Tp Đà Nẵng, Tp Cần Thơ, Tp Nha Trang và Tp Hải Phòng nhằm hỗ trợ việc phân phối sản phẩm tới các địa bàn lân cận. Cụ thể như sau:

- Miền Nam: chi nhánh Tp Hồ Chí Minh phân phối sản phẩm cho Tp Hồ Chí Minh, Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai v.v...
- Miền Tây Nam Bộ: chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...
- Miền Bắc: chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

Miền Trung: Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuột, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

Bên cạnh thị trường nội địa, sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miến Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006, 2007 và 2008, 2009 tỷ trọng sản lượng xuất khẩu của Công ty chiếm lần lượt là 61%; 74%; 56% và 52% tổng sản lượng tiêu thụ.

Vốn đầu tư của Công ty liên tục tăng, từ 19,500,000 USD năm 1994 tăng lên 39,500,000 USD vào năm 1997; 49,500,000 USD năm 2000 và 66,166,667 USD năm 2005. Vốn pháp định tương ứng qua các năm là 8,500,000 USD; 11,850,000 USD; 14,850,000 USD và 19,850,000 USD.

Trải qua hơn 10 năm phát triển, Taicera đã xây dựng thành công một mô hình doanh nghiệp bằng sự kết hợp hài hòa giữa kỹ năng, trình độ quản lý của Đài Loan với văn hóa, con người và môi trường Việt Nam. Điểm căn bản tạo nên nền tảng chuyên nghiệp của mô hình này chính là ở sự đầu tư cơ bản về hệ thống quản lý và những chính sách nhân sự, tài chính linh hoạt và hiệu quả.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Ngày 15/4/2003, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 38 cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Taicera nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tạo kênh huy động vốn mới, đa dạng hóa hình thức đầu tư, tạo cho các tổ chức và cá nhân có cơ hội mua lại cổ phần của Công ty. Việc chuyển đổi cũng làm thay đổi số lượng chủ sở hữu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Công ty cải tạo cơ cấu tài chính, tăng tỷ lệ huy động vốn từ các cổ đông, tự do hơn trong việc huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất, giúp thay đổi tỷ lệ giữa vốn pháp định và vốn vay, tránh những điều ràng buộc khi phải vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250.05 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn.

Ngày 08/11/2006, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 65/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 5,000,000 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 250.05 lên 300.05 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn hoàn tất vào ngày 19/12/2006 với tổng số phát hành là 4,969,000 cổ phần.

Ngày 06/06/2007, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 753/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 3,596,831 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 299.7 tỷ lên 335.7 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 23/07/2007 với tổng số phát hành là 3,596,831 cổ phần.

Ngày 09/07/2008, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 1362/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 2,014,220 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 335.7 tỷ lên 355.8 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 04/9/2008 với tổng số phát hành là 2,014,220 cổ phần.

Ngày 25/5/2009, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,423,352 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 355.8 tỷ lên 370 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 28/9/2009 với tổng số phát hành là 1,423,352 cổ phần.

Ngày 25/5/2010, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,480,246 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 370 tỷ lên 384.88 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 01/8/2010 với tổng số phát hành là 1,480,246 cổ phần.

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Ngày 25/5/2011, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,309,117 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 385 tỷ lên 407.97 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 20/07/2011 với tổng số phát hành là 2,309,117 cổ phần.

Ngày 18/5/2012, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,447,587 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2011, tăng vốn điều lệ từ 408 tỷ lên 432.45 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 30/08/2012 với tổng số phát hành là 2,447,587 cổ phần.

Ngày 13/6/2013, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,297,181 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2012, tăng vốn điều lệ từ 432 tỷ lên 445 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 22/7/2013 với tổng số phát hành là 1,297,181 cổ phần.

Ngày 23/6/2016, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 790,708 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2015, tăng vốn điều lệ từ 445 tỷ lên 454 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 01/08/2016 với tổng số phát hành là 790,708 cổ phần.

## **2. Quá trình phát triển**

### **2.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

### **2.2 Tình hình hoạt động**

#### **2.2.1 Sản lượng sản phẩm**

Hiện nay, Công ty đang cung cấp hai dòng sản phẩm chính là gạch men và gạch thạch anh.

- Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách 20\*20; 20\*25; 20\*30; 25\*25; 25\*33; 25\*40; 30\*30; 30\*45; 40\*40; 50\*50; 60\*60; 80\*80; 100\*100 gạch viền và điềm, gạch tranh, gạch cắt thủy lực (Đơn vị tính: cm).

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách 20\*20; 20\*27; 30 thạch anh; 30 bóng kiếng; 40 thạch anh; 40 bóng kiếng; 50 bóng kiếng; 60 bóng kiếng; 80 bóng kiếng; 100 bóng kiếng; gạch cắt nước, gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm).

**2.2.2 Nguyên vật liệu**

*a. Các nguyên vật liệu chính*

- Thổ liệu: Chủ yếu là trường thạch, cát, thô 3 loại.
- Men liệu: Chủ yếu là men lót, men mặt, men in 3 loại.
- Phụ gia: Chất giải keo, chất tăng độ cứng, chất cố định.

*b. Nguồn nguyên vật liệu*

- Thổ liệu: chủ yếu tại Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc
- Men liệu: chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
- Phụ gia: Chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan

*c. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu*

Chính phủ nâng cao thuế nhập khẩu nguyên liệu, do đó công ty tăng cường khai thác sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, cho đến nay chính sách của Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa có sự thay đổi lớn, nên sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên liệu không bị ảnh hưởng đáng kể.

*d. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên liệu*

Công ty không ngừng tìm các nhà cung ứng với giá cả không cao từ Trung Quốc và Việt Nam, và tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu giá cả rẻ, nhằm mục đích hạn chế tăng giá thành sản xuất

**2.2.3 Chi phí sản xuất**

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

**2.2.4 Trình độ công nghệ**

▪ *Trình độ công nghệ*

Các dây chuyền sản xuất của Taicera được đầu tư với công nghệ của Italia hiện đại nhất tại Việt Nam.

Công ty đã thiết lập xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Gò Dầu rất thuận lợi về khuyến khích đầu tư và chiến lược quản lý chi phí lâu dài. Hiện Công ty có 3 xưởng sản xuất và 1 xưởng gia công tăng giá trị:

- Xưởng 1 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch men được đầu tư năm 1995 với chức năng sản xuất gạch men.

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

- Xưởng 2 gồm 2 dây chuyền sản xuất, được đầu tư năm 1999 và 2001 với chức năng sản xuất cả gạch men và thạch anh.
- Xưởng 3 gồm 3 dây chuyền sản xuất gạch thạch anh mài bóng trên diện tích đất đã thuê 6,8 ha với Công ty Sonadezi Biên Hòa ngày 01/09/2004.
- Xưởng gia công gồm 5 dây chuyền mài với chức năng gia công sản phẩm.

### **▪ Công suất hoạt động hiện nay của nhà máy**

Công suất hoạt động của nhà máy hiện nay trung bình là 30.000 m<sup>2</sup>/ngày tùy thuộc vào loại gạch được sản xuất.

### **▪ Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất**

Công ty đã tìm hiểu qui hoạch tổng thể của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và giao thông, chẳng hạn như dự án xây dựng 3 đường vành đai ở Sài Gòn. Nhìn từ xu thế của Việt Nam hiện nay, sản phẩm cao cấp sẽ là trào lưu chủ yếu trong tương lai ở thị trường này.

### **2.2.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là lâu dài nhằm thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những ưu việt của sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Việc nghiên cứu phát triển tại Công ty luôn được quan tâm thực hiện.

#### ***Biện pháp nâng cao chất lượng:***

- Tự kiểm tra, khống chế chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

### **2.2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm :

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 19/05/2013 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 20/05/2016 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2010, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 05/03/2015 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.
- Chứng nhận Hợp quy QCVN16:2017/BXD, số chứng nhận 07-11 (TCR01-CĐ-2018) được cấp ngày 02/03/2018 bởi Quatest 3.
- Chứng nhận CE Marking số (EU) CPR305/2011, được cấp ngày 21/03/2015 bởi NQA.

bsi.

# Certificate of Registration



By Royal Charter

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that:

**TAICERA ENTERPRISE COMPANY**

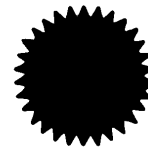
Go Dau Industrial Zone,  
Phuoc Thai Village,  
Long Thanh District,  
Dong Nai Province,  
Vietnam

Holds Certificate Number:

**FM 37630**

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

**The design, manufacture, supply of ceramic and homogeneous tiles.**



For and on behalf of BSI:

Chris Cheung, Head of Compliance & Risk – Asia Pacific

Original Registration Date: **06/07/2000**

Effective Date: **20/05/2016**

Latest Revision Date: **19/05/2016**

Expiry Date: **19/05/2019**

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/ClientDirectory](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory) or telephone +84 (8) 38 200 066. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001: 2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000  
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.  
A member of the BSI Group of Companies.

**2.2.7 Hoạt động Marketing**

*Sản phẩm*

Chiến lược sản phẩm của công ty trong tương lai sẽ được chú trọng như sau:

*a. Sản phẩm chính:*

- Các sản phẩm mài bóng: 100x100, 80x80, 60x60 (bao gồm gạch nhiều ống, hạt mịn, in thâm v.v...).
- Sản phẩm gạch thạch anh: 40x40, 30x30; 25x25 (bao gồm gạch men thường, hạt mè v.v...).
- Các sản phẩm gạch giả cổ: 60x30, 30x30, 40x40.
- Các sản phẩm phát minh mới: 80x80, 60x60, 40x40.

*b. Sản phẩm phối hợp:*

- Các sản phẩm gạch men ốp tường: 25x25, 25x40, 60x30.
- Các sản phẩm gạch men lát nền: 25x25, 30x30, 40x40.
- Sản phẩm gạch viên gia công: gia công gạch viên, gạch chân tường, gạch cầu thang, gạch cắt thùỵ lực.

*Phân phối*

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Cụ thể, Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Như vậy, sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Philippines, Singapore, Thailand v.v...
- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

**2.2.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

*a. Nhãn hiệu Taicera*

- Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 16917 ngày 31/05/1995 và quyết định gia hạn số A 7158/QĐ- ĐK ngày 04 /10/2004 do Cục Sở hữu Công nghiệp – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.
- Thời hạn bảo hộ: từ ngày 28/10/1994 đến ngày 20/11/2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

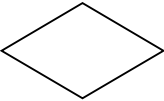
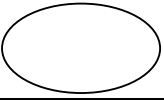
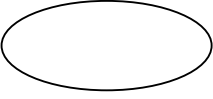
b. Nội dung bảo hộ:

- Mẫu nhãn hiệu thương hiệu:



**Hình 8:** Nhãn hiệu Taicera

- Màu sắc nhãn hiệu: đỏ, trắng
- Ý nghĩa:

<b>Biểu tượng</b>	<b>Định nghĩa thực thể</b>	<b>Định nghĩa logic</b>
	Thể hiện hình gạch men	Bên trong hình vuông, thể hiện tính nguyên tắc
	Thể hiện hình địa cầu	Bên ngoài tròn, thể hiện sự thông thoáng, toàn vẹn
	Thể hiện mặt địa cầu	Vững vàng, không thay đổi, làm vừa lòng khách hàng
<b>TAICERA</b>	Tên Công ty	Tên viết tắt: TCR - T: Trust (Uy tín) - C: Classic (Chất lượng) - R: Revolutions (Sáng tạo)

## BÁO CÁO HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

### BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐẦU TƯ DỰ KIẾN NĂM 2020

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt đội ngũ kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gôm sứ TAIERA, gửi lời cảm ơn chân thành đến các vị cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng công ty trong suốt thời gian qua.

Lượng tiêu thụ của công ty trong năm 2019 là 7.417.818 m<sup>2</sup>, giảm 23,6% so với năm 2018, doanh thu bán hàng đạt 1.119,6 tỷ đồng, giảm 18,2% so với năm 2018, tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu lần lượt chiếm 74,4% và 25,6%.

#### Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2018-2019

*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

Năm	2018		2019	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
<b>Lượng tiêu thụ</b>	<b>7.324.147</b>	<b>2.381.587</b>	<b>5.519.910</b>	<b>1.897.909</b>
<b>Tỷ trọng(%)</b>	<b>75,5%</b>	<b>24,5%</b>	<b>74,4%</b>	<b>25,6%</b>
<b>Lượng tiêu thụ cả năm</b>	<b>9.705.734</b>		<b>7.417.818</b>	
<b>Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm (%)</b>				<b>(23,6%)</b>

#### Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2018-2019

*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
Doanh thu bán hàng	1.369.245.628.068	1.119.649.029.151
Các khoản giảm trừ	19.952.076.478	18.373.372.238
Doanh thu thuần về bán hàng	1.349.293.551.590	1.101.275.656.913
Giá vốn hàng bán	1.211.047.830.923	911.833.671.213
Lợi nhuận gộp về bán hàng	138.245.720.667	189.441.985.700
Lợi nhuận thuần trước thuế	(116.838.315.404)	8.165.044.774
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(2.630.935.282)	30.497.834
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(114.207.380.122)	8.134.546.940
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	-8,5%	0,7%

Lượng bán hàng trong năm 2019 tuy có giảm so với năm 2018, nhưng công ty đã có bước cải tiến lớn trong sản xuất, tiếp tục nâng cao năng suất tỷ lệ đạt, đồng thời giảm tỷ lệ phế phẩm, và chi phí sản xuất giảm, nhờ đó phương diện kinh doanh đã có những chuyển biến tích cực. Về mặt kinh doanh, sản phẩm mới đã được sự công nhận của khách hàng, đơn giá bán hàng bình quân tăng lên. Về mặt quản lý, nội địa hóa nguồn nhân lực, cán bộ nước ngoài chủ yếu đảm nhiệm công việc chỉ đạo và giám sát, cũng như tăng cường khả năng thực hành của cán bộ Việt nam, hai bên hỗ trợ bổ sung cho nhau để tạo thành một đội ngũ quan trọng trong công ty làm tăng hiệu suất. Do đó, Công ty đã chuyển từ lỗ sang có lợi nhuận trong năm 2019.

Thị trường ngành xây dựng trong nước của Việt Nam trong năm 2019 tương đối ổn định, bên cạnh đó khách hàng trong và ngoài nước rất tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ bán hàng của Taicera, về mặt kinh doanh công ty cũng đã không ngừng mở rộng khu vực bán hàng và các kênh tiếp thị, từ đó khiến thị trường trong nước cải thiện tăng lên. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu của Công ty cũng giống như của năm 2018, một số quốc gia có tỷ lệ bán hàng xuất khẩu cao và lượng xuất khẩu tương đối lớn như Châu Âu, Đài Loan và các nước trong khối ASEAN, v.v... đã phải chịu sự tác động ảnh hưởng bởi bất ổn về chính trị hoặc suy thoái về kinh tế của nước họ, dẫn đến lượng tiêu thụ gạch bị sụt giảm. Cộng thêm tình hình bán phá giá của Ấn Độ, khiến cho sản lượng xuất khẩu của Công ty trong 2019 vẫn chưa có chuyển biến rõ rệt.

Triển vọng năm 2020, do tình hình dịch bệnh đã làm cho nền kinh tế Thế giới và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn. Phương án ứng phó của TAICERA chính là: Đối với thị trường trong nước, ngoài thương hiệu TAICERA, Công ty dự kiến sẽ giảm sản lượng đối với nhãn hiệu TKG và Tekknia, giảm lượng tồn kho giúp công ty có thêm nguồn vốn lưu động để ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra do tình hình dịch bệnh hiện nay, đồng thời tiếp tục công việc đổi mới, thiết kế và sửa sang lại phòng trưng bày sản phẩm mới của các chi nhánh và cửa hàng đại lý, mở rộng kênh bán hàng kinh doanh của công ty nhằm gia tăng lượng tiêu thụ trong nước. Bên cạnh đó, trong thời đại của sự thay đổi nhanh chóng, chúng tôi bắt đầu thiết lập dữ liệu kinh doanh nghiêm ngặt, đồng thời phân tích thường xuyên

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

những thông tin được cung cấp trên cơ sở dữ liệu, để từ đó hiểu được nhu cầu của khách hàng và đưa ra đánh giá xác thực nhất.

Sản lượng gạch men ở Việt nam đứng thứ 5 trên toàn Thế giới, sự cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt, chất lượng sản phẩm của các công ty cùng ngành cũng được nâng cao, tạo điều kiện cho TAICERA có cơ hội tận dụng thương hiệu và đường lối sẵn có của chúng tôi tìm kiếm đối tác OEM thích hợp, trước đây do cả hai đều làm cùng một ngành nên rất nhiều nhà máy không muốn triển khai OEM nhưng hiện tại đã có sự đồng thuận và họ sẵn sàng tích hợp các nguồn lực cũng như sẵn sàng hợp tác với nhau. Xu hướng sắp tới của TAICERA là nghiên cứu, đổi mới, thương hiệu, kênh tiêu thụ cũng như tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất và gia công. Do đó, một trong những mục tiêu của năm 2020 chính là tăng cường đội ngũ quản lý chất lượng sản phẩm của TAICERA (QC), kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm OEM.

Về mặt mở rộng phát triển thị trường, do tình hình dịch bệnh nên chưa thể sắp xếp cuộc gặp gỡ trao đổi trực tiếp với khách hàng trong và ngoài nước, đồng thời các buổi triển lãm gạch với quy mô lớn nhất Thế giới ở Italy, triển lãm Covering tại Mỹ, và triển lãm Vietbuild tổ chức trong nước mà công ty tham gia hàng năm đều bị tạm hoãn. Đối với mô hình tiếp thị kinh doanh, chúng tôi đã thực hiện sự thay đổi rất lớn, những sản phẩm mới được dày công thiết kế nghiên cứu ra đã được bày bán giới thiệu qua mạng Internet, thông qua kênh bán hàng mới qua mạng Internet để giải quyết những bất cập do tình hình dịch bệnh, như không thể tổ chức được những buổi triển lãm cũng như không thể gặp gỡ trực tiếp khách hàng, không thể giới thiệu sản phẩm mới đến khách hàng nắm bắt, bên cạnh đó, chúng tôi đã chuẩn bị rất nhiều mẫu sản phẩm mới để gửi trực tiếp tới khách hàng, nhân viên tiếp thị sẽ theo dõi và xử lý trao đổi ý kiến cùng khách hàng. Bên cạnh đó, tại các nước Asean như Philippines, Myanmar, Indonesia, Malaysia, v.v..., đều có bố trí nhân viên kinh doanh của riêng công ty, nhằm tăng cường các kênh tiếp thị bán hàng của khối Đông Nam Á, cũng chính là củng cố bền vững tại Việt nam, thâm nhập các nước Asean và mở rộng phát triển ra toàn Thế giới.

Dự kiến cho năm 2020, tình hình tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu đều sẽ tốt hơn so với năm 2019, công ty cũng đã đề ra kế hoạch dự án, để triển khai thực hiện toàn diện về mọi mặt bao gồm hoạt động kinh doanh, sản xuất và nghiên cứu khai thác, quản lý điều hành, tài chính, nguồn nhân lực, v.v..., nhằm kiểm soát giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm một cách có hiệu quả. Thông qua việc tiếp tục duy trì những kế hoạch tăng cường tiếp thị bán hàng, chúng tôi tin chắc rằng sẽ có thể hoàn thành mục tiêu dự kiến cho năm 2020.

Công ty chúng tôi thành lập đến nay đã được 26 năm, rất nhiều đồng nghiệp vẫn rất gắn bó nỗ lực đồng hành cùng công ty, cùng nhau phát triển, tôi thấy cảm động vô cùng và rất cảm ơn mọi người. Năm 2020 do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng, nhân tố bên ngoài thay đổi nhanh chóng, đối với chúng tôi đây là một năm đầy thách thức, nhưng tôi tin rằng dưới sự phối hợp

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

chung sức của toàn thể công nhân viên, nhất định sẽ có thể khắc phục và vượt qua được những khó khăn, và chúng ta chắc chắn sẽ ngày càng tốt hơn.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn mọi người đã tiếp tục ủng hộ và đồng hành cùng công ty, hy vọng những ý kiến đóng góp sẽ giúp công ty ngày càng phát triển.

**Trân trọng,**

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**(đã ký)**

**CHEN CHENG JEN**



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>694.841.790.341</b>	<b>934.524.392.565</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	97.621.401.222	146.583.527.680
111	1. Tiền		97.621.401.222	145.373.299.735
112	2. Các khoản tương đương tiền			1.210.227.945
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		20.952.000.000	11.573.151.090
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	20.952.000.000	11.573.151.090
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.652.299.053	197.355.937.770
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	97.333.017.647	164.492.855.189
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.993.761.578	9.267.016.856
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	29.539.354.073	29.792.277.216
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	07	(7.213.834.245)	(6.196.211.482)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	08	432.417.242.461	546.952.930.329
141	1. Hàng tồn kho		433.913.993.146	548.770.541.326
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.496.750.685)	(1.817.610.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.198.847.605	32.058.845.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	10.315.067.665	21.983.865.679
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.517.085.740	6.382.758.592
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.366.694.200	3.692.221.421
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>319.743.769.916</b>	<b>368.168.505.769</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.453.885.990	13.780.809.097
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	15.453.885.990	13.780.809.097
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚT TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>302.163.176.298</b>	<b>318.497.190.329</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	300.767.098.709	316.512.447.532
222	- Nguyên giá		1.652.425.267.260	1.631.688.837.476
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.351.658.168.551)	(1.315.176.389.944)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.396.077.589	1.984.742.797
228	- Nguyên giá		4.607.959.199	4.607.959.199
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.211.881.610)	(2.623.216.402)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>465.628.007</b>	<b>35.372.224.301</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	465.628.007	35.372.224.301
250	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04		
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.661.079.621</b>	<b>518.282.042</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.661.079.621	518.282.042
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.014.585.560.257</b>	<b>1.302.692.898.334</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

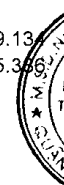
Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>541.333.224.744</b>	<b>830.511.765.157</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>501.692.635.893</b>	<b>783.843.765.157</b>
311	1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	14	115.309.848.272	212.719.696.982
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.731.353.962	17.354.170.364
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.003.508.201	803.329.379
314	4. Phải trả người lao động		16.208.045.432	16.734.028.252
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.671.133.320	8.562.375.660
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	828.203.520	881.959.134
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	344.940.543.186	526.788.205.346
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>39.640.588.851</b>	<b>46.668.000.000</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	17	1.330.000.000	168.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	38.310.588.851	46.500.000.000
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA**  
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>473.252.335.513</b>	<b>472.181.133.177</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>473.252.335.513</b>	<b>472.181.133.177</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		454.328.360.000	454.328.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		454.328.360.000	454.328.360.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ		(76.940.800)	(76.940.800)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		37.211.615.787	41.346.239.785
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.321.084.784	5.970.123.853
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(131.287.724.891)	(139.422.271.831)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(139.422.271.831)	(25.214.891.700)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.134.546.940	(114.207.380.122)
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		20.234.980.633	23.514.662.212
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.014.585.560.257</b>	<b>1.302.692.898.334</b>

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Chen Yuan Ming Giám Đốc



Chen Yuan Ming

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.119.649.029.151	1.369.245.628.068
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	18.373.372.238	19.952.076.478
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.101.275.656.913	1.349.293.551.590
11	4. Giá vốn hàng bán	23	911.833.671.213	1.211.047.830.923
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.441.985.700	138.245.720.667
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.738.281.405	7.957.946.859
22	7. Chi phí tài chính	25	32.164.932.524	38.608.772.277
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.865.050.047	27.988.609.234
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
25	9. Chi phí bán hàng	26	115.508.981.854	129.891.867.778
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	85.869.570.421	99.032.839.614
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.363.217.694)	(121.329.813.093)
31	12. Thu nhập khác	28	46.628.344.996	4.580.072.152
32	13. Chi phí khác	29	100.082.528	88.574.463
40	14. Lợi nhuận khác		46.528.262.468	4.491.497.689
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.165.044.774	(116.838.315.404)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.165.044.774	(116.838.315.404)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Công ty mẹ		8.134.546.940	(114.207.380.122)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		30.497.834	(2.630.935.282)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	31	179	(2.514)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>8.165.044.774</b>	<b>(116.838.315.404)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		59.162.552.083	86.995.486.294
03	2. Các khoản dự phòng		696.762.451	(691.549.513)
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(89.298.843)	441.659.022
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.437.893.970)	(997.028.202)
06	5. Chi phí lãi vay		27.865.050.047	27.988.609.231
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>91.362.216.542</b>	<b>(3.101.138.568)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		70.908.681.789	(20.462.162.291)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		114.856.548.180	(74.729.367.131)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(98.365.867.806)	(7.399.781.771)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.526.000.435	(1.775.037.661)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(28.283.471.821)	(27.580.016.221)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(793.595.885)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			112.910.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.783.663.025)	(8.265.749.749)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>157.220.444.294</b>	<b>(143.993.939.278)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.921.941.758)	(12.553.842.050)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			50.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.378.848.910)	(11.573.151.090)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			11.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.127.737.728	998.787.924
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(16.173.052.940)</b>	<b>(12.078.205.216)</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2019**

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		860.973.510.115	1.100.946.988.268
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.051.010.583.464)	(991.363.130.944)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(190.037.073.349)</b>	<b>109.583.857.295</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(48.989.681.995)</b>	<b>(46.488.287.121)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>146.583.527.680</b>	<b>192.840.815.205</b>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		27.555.537	230.999.645
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	03	<b>97.621.401.222</b>	<b>146.583.527.680</b>

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan



Chen Xuân Ming



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2019*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Thông tin doanh nghiệp**

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 05 năm 2017; Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười bảy, mã số dự án 433658637 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, sản xuất.

#### **1.3 Hoạt động chính của Công ty là:**

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 12 tháng

#### **1.5 Cấu trúc Nhóm Công ty**

##### **Tổng số Công ty con: 02**

- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

##### **Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:**

- |                  |   |
|------------------|---|
| ▪ Tên công ty    | : Công ty TNHH Phát Triển Taicera                                       |
| Địa chỉ          | : Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM |
| Vốn điều lệ      | : 41.010.706.134 VND  |
| Tỷ lệ lợi ích    | : 51,00%  |
| Tỷ lệ biểu quyết | : 51,00%  |
| ▪ Tên công ty    | : Công ty TNHH Teknia   |
| Địa chỉ          | : 247, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM                       |
| Vốn điều lệ      | : 14.482.440.000 VND  |
| Tỷ lệ lợi ích    | : 100,00%   |
| Tỷ lệ biểu quyết | : 100,00%   |

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### ***Chế độ kế toán áp dụng:***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

#### ***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán***

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### ***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

#### ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính***

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### ***Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ***

*Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

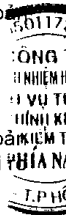
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	8% - 16%



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA**  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
  - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

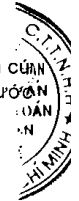
### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

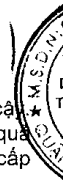
Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



***Bên liên quan***

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

***Công cụ tài chính***

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

***Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất***

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

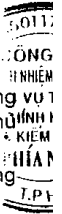
Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
  - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
  - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

**Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
  - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
  - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	329.867.221	1.149.327.884
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.974.434.001	144.223.971.851
Tiền đang chuyển	2.317.100.000	
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)		1.210.227.945
<b>Cộng</b>	<b>97.621.401.222</b>	<b>146.583.527.680</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.952.000.000</b>	<b>20.952.000.000</b>	<b>11.573.151.090</b>	<b>11.573.151.090</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn				
+ Ngân hàng TM TNHH E-Sun	20.952.000.000	20.952.000.000	11.573.151.090	11.573.151.090
<b>Cộng</b>	<b>20.952.000.000</b>	<b>20.952.000.000</b>	<b>11.573.151.090</b>	<b>11.573.151.090</b>

### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
- White Horse Ceramic Co.,LTD	10.237.032.408	15.536.558.932
- Cebu Oversea Hardware	7.626.310.304	15.475.511.997
- Công ty Cổ phần Hanel Mirolin	3.392.075.876	3.392.075.876
- Các đối tượng khác	76.077.599.059	130.088.708.380
<b>Cộng</b>	<b>97.333.017.647</b>	<b>164.492.855.185</b>

### 6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
<b>6.1 Ngắn hạn</b>	<b>29.539.354.073</b>	<b>29.792.277.216</b>
- Tạm ứng cho nhân viên	629.149.446	851.312.658
- Phải thu khác	28.910.204.627	28.940.964.558
+ Trợ cấp thôi việc	2.283.563.617	2.498.845.684
+ Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận 2 (ứng trước tiền thuê đất)	25.499.065.580	25.499.065.580
+ Khác	1.127.575.430	943.053.294
<b>6.2 Dài hạn</b>	<b>15.453.885.990</b>	<b>13.780.809.097</b>
- Ký cược, ký quỹ	15.453.885.990	13.780.809.097
<b>Cộng</b>	<b>44.993.240.063</b>	<b>43.573.086.313</b>

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 7. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng</b>				
- In Termak Projelendirme Makina	2.471.401.377		2.471.401.377	
- Công ty Cổ phần Hanel Mirolin	3.392.075.876		3.392.075.876	1.017.622.763
- Các đối tượng khác	1.350.356.992		1.350.356.992	
<b>Cộng</b>	<b>7.213.834.245</b>		<b>7.213.834.245</b>	<b>1.017.622.763</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá gốc	Dự Phòng
- Hàng mua đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	114.108.938.360		175.263.536.050	
- Công cụ, dụng cụ			520.000	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.567.019.850		25.123.881.609	
- Thành phẩm	302.238.034.936	1.496.750.685	348.382.603.667	1.817.610.997
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>433.913.993.146</b>	<b>1.496.750.685</b>	<b>548.770.541.326</b>	<b>1.817.610.997</b>





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

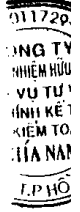
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA**  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

		Đơn vị tính: VND					
9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu kỳ	309.209.347.357	1.217.949.614.172	31.863.494.804	6.293.996.456	66.372.384.687	1.631.688.837.476	
2. Số tăng trong kỳ	39.898.571.592	1.965.526.460	964.440.000			42.828.538.052	
- Mua sắm mới	1.120.941.571	1.965.526.460				3.086.468.031	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	38.777.630.021			964.440.000		39.742.070.021	
3. Số giảm trong kỳ		22.092.108.268				22.092.108.268	
- Thanh lý, nhượng bán		22.092.108.268				22.092.108.268	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	349.107.918.949	1.197.823.032.364	31.863.494.804	7.258.436.456	66.372.384.687	1.652.425.267.260	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu kỳ	157.015.736.441	1.064.858.476.815	27.147.301.413	6.157.247.366	59.997.627.909	1.315.176.389.944	
2. Số tăng trong kỳ	10.908.554.150	44.401.122.495	1.601.058.048	62.661.296	1.600.490.886	58.573.886.875	
- Khấu hao trong kỳ	10.908.554.150	44.401.122.495	1.601.058.048	62.661.296	1.600.490.886	58.573.886.875	
3. Số giảm trong kỳ		22.092.108.268				22.092.108.268	
- Thanh lý, nhượng bán		22.092.108.268				22.092.108.268	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	167.924.290.591	1.087.167.491.042	28.748.359.461	6.219.908.662	61.598.118.795	1.351.658.168.551	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ	152.193.610.916	153.091.137.357	4.716.193.391	136.749.090	6.374.756.778	316.512.447.532	
Tại ngày cuối kỳ	181.183.628.358	110.655.541.322	3.115.135.343	1.038.527.794	4.774.265.892	300.767.098.709	

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các Khoản vay: 93.032.551.640 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 744.592.480.223 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý, không có



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu kỳ		4.607.959.199	4.607.959.199
Số tăng trong kỳ			
- Đầu tư XD/CB hoàn thành			
Số giảm trong kỳ			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ		4.607.959.199	4.607.959.199
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ		2.623.216.402	2.623.216.402
Khấu hao trong kỳ		588.665.208	588.665.208
Giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ		3.211.881.610	3.211.881.610
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
Tại ngày đầu kỳ		1.984.742.797	1.984.742.797
Tại ngày cuối kỳ		1.396.077.589	1.396.077.589

### Ghi chú:

(\*) Giá trị còn lại TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: không có

(\*\*) Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 3	465.628.007	
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 4		738.866.300
+ Chi phí xây dựng tường rào		236.670.455
+ Chi phí thiết kế công trình		779.146.000
+ Chi phí khảo sát địa chất		59.090.909
+ Chi phí san lấp mặt bằng		1.570.380.311
+ Chi phí tư vấn thuê đất Quận 2		139.836.000
+ Công trình nhà kho và văn phòng		30.704.157.347
+ Thang máy		964.440.000
+ Mua sắm, sửa chữa TSCĐ khác		179.636.979
<b>Cộng</b>	<b>465.628.007</b>	<b>35.372.224.301</b>

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>10.315.067.665</b>	<b>21.983.865.679</b>
- Chi phí sửa chữa	8.211.772.526	19.038.923.252
- Chi phí khác	2.103.295.139	2.944.942.427
<b>12.2 Dài hạn</b>	<b>1.661.079.621</b>	<b>518.282.042</b>
- Xây dựng hồ nước	594.852.069	
- Chi phí trồng cây xanh	546.241.666	
- Khác	519.985.886	518.282.042
<b>Cộng</b>	<b>11.976.147.286</b>	<b>22.502.147.721</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA**  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**  
**13.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>344.940.543.186</b>	<b>344.940.543.186</b>	<b>860.944.686.586</b>	<b>1.042.792.348.786</b>	<b>526.788.205.386</b>	<b>526.788.205.386</b>
+ Ngân hàng Bangkok TP.HCM	45.895.737.572	45.895.737.572	171.574.045.538	276.640.849.919	150.962.541.953	150.962.541.953
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - CN	135.799.607.289	135.799.607.289	321.758.762.876	345.107.384.059	159.148.228.472	159.148.228.472
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	68.869.392.129	68.869.392.129	201.846.689.657	225.555.637.332	92.578.339.804	92.578.339.804
+ Ngân hàng China Trust	34.783.918.396	34.783.918.396	34.784.421.623	8.419.949.760	8.419.949.760	8.419.949.760
+ Ngân hàng Huanan TP.HCM				34.643.982.669	34.643.479.442	34.643.479.442
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh				43.804.489.890	43.804.489.890	43.804.489.890
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai				2.364.581.419	2.364.581.419	2.364.581.419
+ Ngân hàng Fubon TW						
+ Ngân hàng VIB TP.HCM						
+ Ngân hàng FCB TP.HCM	22.908.212.918	22.908.212.918	58.557.269.200	70.515.650.928	34.866.594.646	34.866.594.646
+ Ngân hàng E-SUN Đồng Nai	22.781.074.882	22.781.074.882	58.501.097.692	35.720.022.810		
+ Smart Link Co., Ltd.	13.902.600.000	13.902.600.000	13.922.400.000	19.800.000		
<b>Cộng</b>	<b>344.940.543.186</b>	<b>344.940.543.186</b>	<b>860.944.686.586</b>	<b>1.042.792.348.786</b>	<b>526.788.205.386</b>	<b>526.788.205.386</b>

**13.2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>38.310.588.851</b>	<b>38.310.588.851</b>	<b>28.823.529</b>	<b>8.218.234.678</b>	<b>46.500.000.000</b>	<b>46.500.000.000</b>
+ Ngân hàng E-Sun Taiwan						
<b>Cộng</b>	<b>38.310.588.851</b>	<b>38.310.588.851</b>	<b>28.823.529</b>	<b>8.218.234.678</b>	<b>46.500.000.000</b>	<b>46.500.000.000</b>



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>115.309.848.272</b>	<b>115.309.848.272</b>	<b>212.719.696.982</b>	<b>212.719.696.982</b>
- Xí Nghiệp Phân Phối Khí Tháp Ấp Vũng Tàu	18.240.804.362	18.240.804.362	23.329.085.506	23.329.085.506
- DNTN Bình An	12.215.082.051	12.215.082.051	14.874.604.151	14.874.604.151
- Phải trả các đối tượng khác	84.853.961.859	84.853.961.859	174.516.007.325	174.516.007.325
<b>Cộng</b>	<b>115.309.848.272</b>	<b>115.309.848.272</b>	<b>212.719.696.982</b>	<b>212.719.696.982</b>

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>15.1. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.692.221.421	355.597.093		3.336.624.328
Thuế giá trị gia tăng			30.069.872	30.069.872
<b>Cộng</b>	<b>3.692.221.421</b>	<b>355.597.093</b>	<b>30.069.872</b>	<b>3.366.694.200</b>
<b>15.2. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	780.477.154	7.403.704.707	6.208.322.972	1.975.858.889
Thuế thu nhập cá nhân	22.852.225	1.886.810.486	1.882.013.399	27.649.312
Thuế khác		10.977.612	10.977.612	
<b>Cộng</b>	<b>803.329.379</b>	<b>9.301.492.805</b>	<b>8.101.313.983</b>	<b>2.003.508.201</b>

### Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
- Lãi vay	346.122.183	764.543.957
- Phí hoa hồng bán hàng	1.107.036.762	1.295.698.558
- Phí sử dụng nhãn hiệu	1.820.690.719	1.231.510.210
- Phí kiểm toán	191.500.000	246.150.000
- Trích trước chi phí tiền điện, tiền vận chuyển, tiền com	3.135.357.800	3.371.470.526
- Chi phí phải trả khác	1.070.425.856	1.653.002.409
<b>Cộng</b>	<b>7.671.133.320</b>	<b>8.562.375.660</b>

## 17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
<b>17.1. Ngắn hạn</b>	<b>828.203.520</b>	<b>881.959.134</b>
- Kinh phí công đoàn	299.800.000	305.684.610
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	528.403.520	576.274.524
<b>17.2. Dài hạn</b>	<b>1.330.000.000</b>	<b>168.000.000</b>
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	1.330.000.000	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.158.203.520</b>	<b>1.049.959.134</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

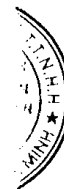
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA**  
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	45.813.008.047	1.952.667.916	(25.214.891.709)	26.145.597.494	<b>589.468.760.948</b>
Tăng khác					4.466.768.284			4.466.768.284
Lỗ trong năm trước						(114.207.380.122)	(2.630.935.282)	(116.838.315.404)
Giảm khác				(4.466.768.284)				(4.466.768.284)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát								
Sử dụng quỹ					(449.312.367)			(449.312.367)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>454.328.360.000</b>	<b>86.520.960.000</b>	<b>(76.940.800)</b>	<b>41.346.239.763</b>	<b>5.970.123.833</b>	<b>(139.422.271.831)</b>	<b>23.514.662.212</b>	<b>472.181.133.177</b>
Tăng khác					4.134.623.976			4.134.623.976
Lãi trong năm nay						8.134.546.940	30.497.834	8.165.044.774
Sử dụng quỹ					(3.783.663.025)			(3.783.663.025)
Giảm khác				(4.134.623.976)			(3.310.179.413)	(7.444.803.389)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>454.328.360.000</b>	<b>86.520.960.000</b>	<b>(76.940.800)</b>	<b>37.211.615.787</b>	<b>6.321.084.784</b>	<b>(131.287.724.891)</b>	<b>20.234.980.633</b>	<b>473.252.335.513</b>



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA**  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các cổ đông	454.251.419.200	454.251.419.200
Cổ phiếu quỹ	76.940.800	76.940.800
<b>Cộng</b>	<b>454.328.360.000</b>	<b>454.328.360.000</b>

## 18. c) Các quỹ của Công ty

	31/12/2019	01/01/2019
- Quỹ đầu tư phát triển	37.211.615.787	41.346.239.763
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.321.084.784	5.970.123.833
<b>Cộng</b>	<b>43.532.700.571</b>	<b>47.316.363.596</b>

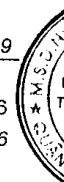
## 18. d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.432.836	45.432.836
- Cổ phiếu phổ thông	45.432.836	45.432.836
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	7.694	7.694
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.425.142	45.425.142
- Cổ phiếu phổ thông	45.425.142	45.425.142
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

## 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	2.776.432,58	3.594.255,02
- Euro (EUR)	38.601,48	36.739,25
- Yên Nhật (JPY)	94.325,00	95.746,00
- Dollar Đài Loan (TWD)	83,00	83,00



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

### 20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Nước ngoài</u>	<u>Hợp nhất</u>
Tổng doanh thu của bộ phận	814.901.839.468	286.373.817.445	1.101.275.656.913
Doanh thu giữa các bộ phận			
<b>Cộng</b>	<b><u>814.901.839.468</u></b>	<b><u>286.373.817.445</u></b>	<b><u>1.101.275.656.913</u></b>
Kết quả kinh doanh	(9.414.024.811)	(2.522.541.764)	(11.936.566.575)
Doanh thu tài chính	4.632.597.061	1.105.684.344	5.738.281.405
Chi phí tài chính	30.637.356.633	1.527.575.891	32.164.932.524
Thu nhập khác			46.628.344.996
Chi phí khác			100.082.528
Chi phí thuế TNDN hiện hành			30.497.834
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			30.497.834
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>			<b><u>8.134.546.946</u></b>

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	<u>Trong nước</u>	<u>Nước ngoài</u>	<u>Hợp nhất</u>
Tài sản của bộ phận	136.200.216.372	45.717.895.897	181.918.112.269
Tài sản không phân bổ			832.667.447.988
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>1.014.585.560.257</u></b>
Nợ phải trả của bộ phận	122.046.135.685	36.035.957.022	158.082.092.707
Nợ phải trả không phân bổ			383.251.132.037
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>541.333.224.744</u></b>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	<u>Hoạt động sản xuất kinh doanh</u>	<u>Hoạt động đầu tư</u>	<u>Hợp nhất</u>
Tổng doanh thu của bộ phận bán ra bên ngoài	1.101.275.656.913		1.101.275.656.913
Tài sản của bộ phận	993.633.560.257	20.952.000.000	1.014.585.560.257

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng	1.119.649.029.151	1.369.245.628.068
<b>Cộng</b>	<b>1.119.649.029.151</b>	<b>1.369.245.628.068</b>

## 22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
Chiết khấu thương mại	15.685.766.416	16.737.205.948
Giảm giá hàng bán	214.153.310	339.366.961
Hàng bán bị trả lại	2.473.452.512	2.875.503.569
<b>Cộng</b>	<b>18.373.372.238</b>	<b>19.952.076.478</b>

## 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	885.471.005.243	1.211.120.115.709
- Giá trị hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức	26.683.526.282	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(320.860.312)	(72.284.786)
<b>Cộng</b>	<b>911.833.671.213</b>	<b>1.211.047.830.923</b>

## 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.127.737.728	998.787.924
- Lãi từ hoạt động đầu tư mua bán công ty	3.310.156.242	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.075.096.573	4.105.362.908
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	225.290.862	1.147.018.471
- Lãi bán hàng trả chậm		1.706.776.956
<b>Cộng</b>	<b>5.738.281.405</b>	<b>7.957.946.259</b>

## 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí lãi vay	27.865.050.047	27.988.609.234
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.597.278.011	5.928.643.146
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	135.992.019	1.588.677.493
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.566.612.447	3.102.842.904
<b>Cộng</b>	<b>32.164.932.524</b>	<b>38.608.772.777</b>

## 26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí vận chuyển	51.962.936.279	55.011.167.270
- Chi phí hoa hồng	15.137.433.544	15.580.301.118
- Chi phí xuất khẩu	14.666.520.358	17.434.591.582
- Chi phí bán hàng khác	33.742.091.673	41.865.807.758
<b>Cộng</b>	<b>115.508.981.854</b>	<b>129.891.867.728</b>



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí nhân viên quản lý	22.230.353.683	24.614.061.497
- Chi phí công cụ dụng cụ	10.047.022.749	17.897.980.743
- Chi phí dự phòng	1.017.622.763	(619.264.727)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	52.574.571.226	57.140.062.001
<b>Cộng</b>	<b>85.869.570.421</b>	<b>99.032.839.514</b>

## 28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		50.000.000
- Thuế nhập khẩu được hoàn		818.694.925
- Thu nhập từ bán phế liệu	1.028.876.363	1.587.684.365
- Bán nguyên liệu	1.360.970.000	
- Xử lý công nợ	43.543.825.734	
- Thu nhập khác	694.672.899	2.123.692.862
<b>Cộng</b>	<b>46.628.344.996</b>	<b>4.580.072.152</b>

## 29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
- Xử lý hàng tồn kho bị vỡ	100.082.528	
- Chi phí khác		88.574.463
<b>Cộng</b>	<b>100.082.528</b>	<b>88.574.463</b>

## 30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>		

## 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	8.134.546.940	(114.207.380.122)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	45.425.142	45.425.142
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	179	(2.514)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

## 32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	606.230.184.855	983.566.916.185
Chi phí nhân công	120.005.956.205	139.636.381.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.162.552.083	86.995.486.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.756.723.188	159.962.221.858
Chi phí khác bằng tiền	84.076.463.762	106.531.680.586
<b>Cộng</b>	<b>1.009.231.880.093</b>	<b>1.476.692.686.798</b>

## 33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 33.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HĐQT
Ông CHEN SIN SIANG	Thành viên HĐQT
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên HĐQT
Ông CHEN YUAN MING	Tổng giám đốc

Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2019, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các thành viên quản lý chủ chốt. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	569.400.000
Ông CHEN SIN SIANG	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	569.400.000
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	569.400.000
Ông CHEN YUAN MING	Tổng giám đốc	Lương và thưởng	540.800.000

Cho đến ngày 31/12/2019, không còn khoản nào chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt.

### 33.2 Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

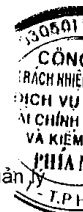
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ vốn
Công ty TNHH Teknia	Công ty con	100%
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	51%

Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2019, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan là tổ chức. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Teknia	Công ty con	Cho thuê kho, thuê văn phòng	96.375.010
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	Bán hàng	46.592.010
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	11.631.842.000
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	Lãi vay phải thu	102.938.499

Cho đến ngày 31/12/2019, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
Công ty TNHH Teknia	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng	466.132.424
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	11.631.842.000
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	610.356.137



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA  
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 33.3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 33.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Yuan Ming



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 180 /BCKT/TC/2020/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 22 tháng 01 năm 2020 từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam  
Phó Tổng Giám đốc

LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2018-142-1



Kiểm toán viên

TẠ QUANG LONG

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0640-2018-142-1

29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942  
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

## **THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Ông CHEN CHENG JEN – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Quá trình công tác:

1983 – 1995: Tổng Giám Đốc công ty CPHH ENGAR

1995 –2018: Tổng Giám Đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 –2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2016 –2019: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### **2. Ông CHEN SIN SIANG – Thành viên Hội đồng quản trị**

Quá trình công tác:

1986 – 2018: Chủ tịch HĐQT công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ THUẬN LỢI

1994 – 2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2016 – 2019: Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### **3. Ông HSU RONG SHENG – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Quá trình công tác:

1995 –2019: Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 –2019: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### **4. Ông HSU JONG CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị**

Quá trình công tác:

1995-2006 : Phó Tổng Giám đốc công ty CPHH CN gốm sứ Chánh Phong.

2005-2019 : Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### **5. Ông CHEN WEN CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị**

Quá trình công tác:

1996-2006: Phó giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2007-2012: Giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

2008-2018: Trưởng khoa, giám đốc khoa quản lý học Chung Hua University

2012-2019: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### **6. Ông CHEN JO YUAN – Thành viên Hội đồng quản trị**

Quá trình công tác:

2006-2008: kỹ sư XSTREAM Technology corp.

2008-2009: kỹ sư Wison Technology Corporation

2009-2010: kỹ sư Quanta Computer Inc

2010-2015: kỹ sư HTC

2013-2019: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### 1. Ông TSENG CHI HUA – Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- Giám đốc Ngân hàng CHINFON-CN HCM, đại diện khu vực Việt Nam và chi nhánh Hà Nội
- Phó chủ tịch tài chính doanh nghiệp Ngân hàng FUBON (HK).
- Giám đốc Ngân hàng TAIPEI FUBON -CN HCM, đại diện khu vực Việt Nam và chi nhánh Hà Nội
- TGD tài chính Công Ty TNHH Eternal Prowess Việt Nam
- 2019: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 2. Ông CHEN YUAN YU – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- Chuyên gia kỹ thuật Công ty TNHH điện tử T-MAC
- Chuyên gia kỹ thuật Công ty TNHH HUA CHEN
- 2019: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 3. Bà CHIEN SU CHEN – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- 1995-2019: Kế toán Công ty Chen Shi
- 2013-2019: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

## THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

**1. Ông CHEN YUAN MING – Tổng giám đốc**

2000-2002: Trưởng phòng International United Technology Co., LTD

2002-2014: Giám đốc Innolux Corporation

2014-2016: Phó Tổng Điều hành Công ty CPCN GS Taicera

2016-2019: Tổng Giám Đốc Công ty CPCN GS Taicera



## CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

### 1. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần niêm yết:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Đã lưu ký:</b>	<b>3,269</b>	<b>10,185,816</b>	<b>22.42%</b>
	Trong đó:			
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>3,144</i>	<i>5,221,786</i>	<i>11.49%</i>
	Cá nhân:	3,099	5,180,172	11.40%
	Tổ chức:	45	41,614	0.09%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>125</i>	<i>4,964,030</i>	<i>10.93%</i>
	Cá nhân:	115	4,449,352	9.79%
	Tổ chức:	10	514,678	1.13%
<b>II</b>	<b>Chưa lưu ký:</b>	<b>283</b>	<b>187,374</b>	<b>0.41%</b>
	Trong đó:			
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>268</i>	<i>68,562</i>	<i>0.15%</i>
	Cá nhân:	267	60,962	0.13%
	Tổ chức:	1	7,600	0.02%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>15</i>	<i>118,812</i>	<i>0.26%</i>
	Cá nhân:	8	12,716	0.03%
	Tổ chức:	7	106,096	0.23%
<b>3</b>	<b>Cộng</b>	<b>3,552</b>	<b>10,373,190</b>	<b>22.83%</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN****2. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần chưa niêm yết:**

<b>Stt</b>	<b>Loại hình cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số cổ phiếu sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>1</i>	<i>94</i>	<i>0.00%</i>
	Cá nhân:	-	-	-
	Tổ chức:	1	94	0.00%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>21</i>	<i>35,059,552</i>	<i>77.17%</i>
	Cá nhân:	18	13,405,492	29.51%
	Tổ chức:	3	21,654,060	47.66%
<b>3</b>	<b>Cộng</b>	<b>22</b>	<b>35,059,646</b>	<b>77.17%</b>

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**CHEN CHENG JEN**